

# DAILY MARKET REVIEW

Ngày 28.12.2023

## SẮC XANH LAN TỎA, VNINDEX TIẾN SÁT VÙNG ĐỈNH 1,130 ĐIỂM

### Quan điểm đầu tư

Thị trường hôm nay ghi nhận tín hiệu khá tích cực, khi khối ngoại mua ròng mạnh trở lại và VN-Index đóng cửa trên đường MA200 ngày (1,123.46 điểm). Mặc dù vậy, nhà đầu tư không nên quá lạc quan, khi áp lực bán có thể quay trở lại bất cứ lúc nào và VN-Index vẫn chưa vượt được đỉnh cũ xung quanh ngưỡng 1,130 điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị thận trọng, nhà đầu tư nên quan sát diễn biến ở vùng giá này, giữ tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục ở mức 50 - 70%, và tránh mua đuổi ở thời điểm hiện tại.

### Diễn biến thị trường

### Diễn biến chỉ số VN-INDEX



| Chỉ số | Close   | Thay đổi | Tỉ lệ (%) | Khối lượng |
|--------|---------|----------|-----------|------------|
| VNI    | 1128.93 | 6.94     | 0.62      | 716.93     |
| HNX    | 231.35  | 0.75     | 0.33      | 59.00      |
| UPCOM  | 86.97   | 0.51     | 0.59      | 52.51      |
| VN30   | 1128.51 | 12.57    | 1.13      | 203.49     |
| HNX30  | 492.61  | -1.26    | -0.26     | 35.68      |

(\*): Khối lượng : triệu cổ phiếu

### Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



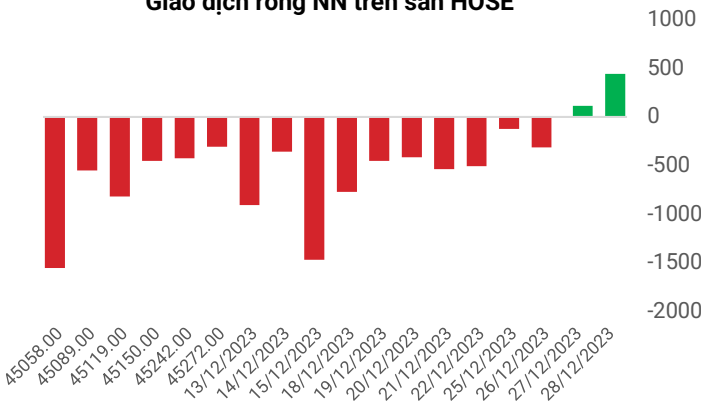
Kết thúc phiên giao dịch ngày Thứ Năm (28/12), chỉ số VNINDEX tăng 6.94 điểm (+0.62%) lên mức 1,128.93 điểm.

Thị trường tiếp tục ghi nhận một phiên tăng điểm với thanh khoản thấp. Sắc xanh bao phủ khi độ rộng thị trường nghiêng về chiều tích cực với 312 mã tăng / 163 mã giảm. Động lực tăng điểm đến từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi chỉ số VN30 có đà tăng vượt trội so với Vn-Index trong hôm nay. Trong đó, nhóm cổ phiếu Vingroup (VIC, VHM, VRE) dẫn đầu đà tăng rồi lan tỏa ra toàn thị trường.

Giao dịch khối ngoại trên sàn HOSE

Diễn biến thị trường

Giao dịch ròng NN trên sàn HOSE



Bên cạnh đó, khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp, với giá trị hơn 442 tỷ đồng trên sàn HOSE cũng là một tín hiệu tích cực. Cụ thể, khối ngoại tập trung mua các cổ phiếu VHC (73 tỷ đồng), HCM (52 tỷ đồng), chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (51 tỷ đồng).

Nguồn: stockbiz.vn, AseanSC tổng hợp



Tín hiệu kỹ thuật

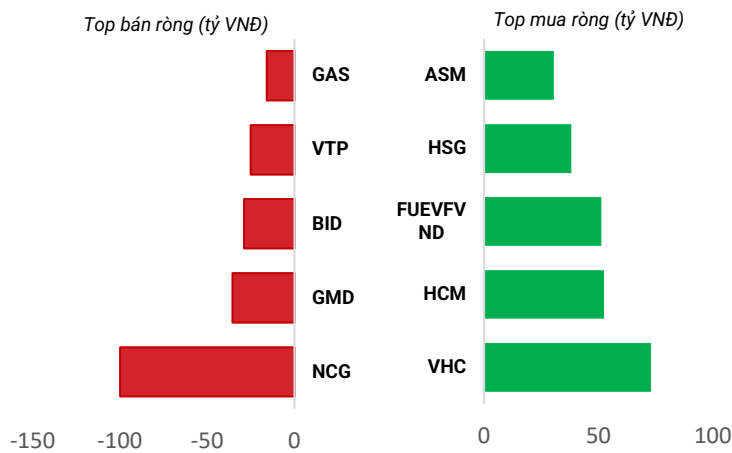
Nhận định thị trường

| Chỉ báo     | Ý nghĩa    | Trạng thái |
|-------------|------------|------------|
| EMA6- EMA20 | Xu hướng   | Up         |
| MFI         | Dòng tiền  | 60.94      |
| RSI         | Động lượng | 59.81      |
| Kháng cự    | 1,130      | 1,156      |
| Hỗ trợ      | 1,100      | 1,086      |

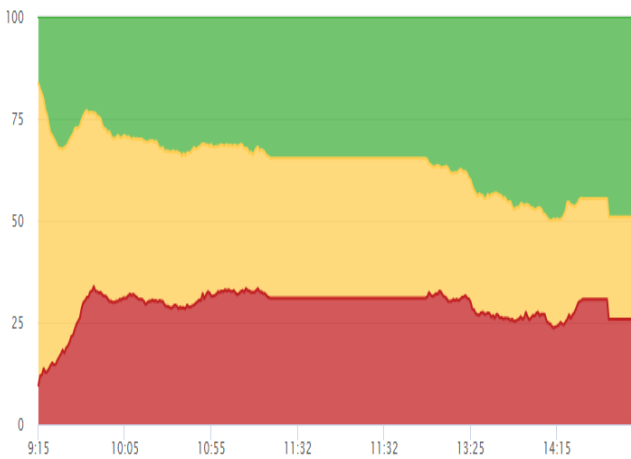
| Phái sinh | Giá     | Volume    | OI      |
|-----------|---------|-----------|---------|
| VN30F2403 | 1,133.0 | 4,070     | 5,210   |
| VN30F2406 | 1,133.8 | 8,100     | 6,030   |
| VN30F2401 | 1,132.9 | 1,575,950 | 589,440 |
| VN30F2402 | 1,131.0 | 2,820     | 3,070   |

Phiên giao dịch hôm nay thị trường hình thành mẫu nến tăng điểm thân trung bình nằm cao hơn so với hai thân nến hẹp liền trước và nối dài đà hồi phục trong 8 phiên trở lại đây. Đồng thời, thanh khoản tiếp tục cải thiện, mặc dù đà tăng của chỉ số chịu sự rung lắc bởi áp lực chốt lời cũng gia tăng mạnh mẽ giằng co với lực cầu. Với động lực từ nhóm cổ phiếu lớn, chỉ số tiếp tục giữ vững sắc xanh và tiệm cận trở lại vùng đỉnh ngắn hạn 1,130 điểm với mức giá vượt lên trên hai đường EMA6, EMA20. Mặc dù lực cầu cải thiện nhưng với mức tăng nhanh của động lượng ở khung timeframe ngắn thể hiện trong ngắn hạn, chỉ số tiếp tục diễn ra quá trình tranh chấp của phe mua và phe bán quanh vùng giá hiện tại. Trong bối cảnh dần bước sang thềm 2024, thị trường tìm kiếm các động lực tăng trưởng và kì vọng mới, quá trình hấp thụ áp lực bán này là cần thiết để kiến tạo đà tăng bền vững.

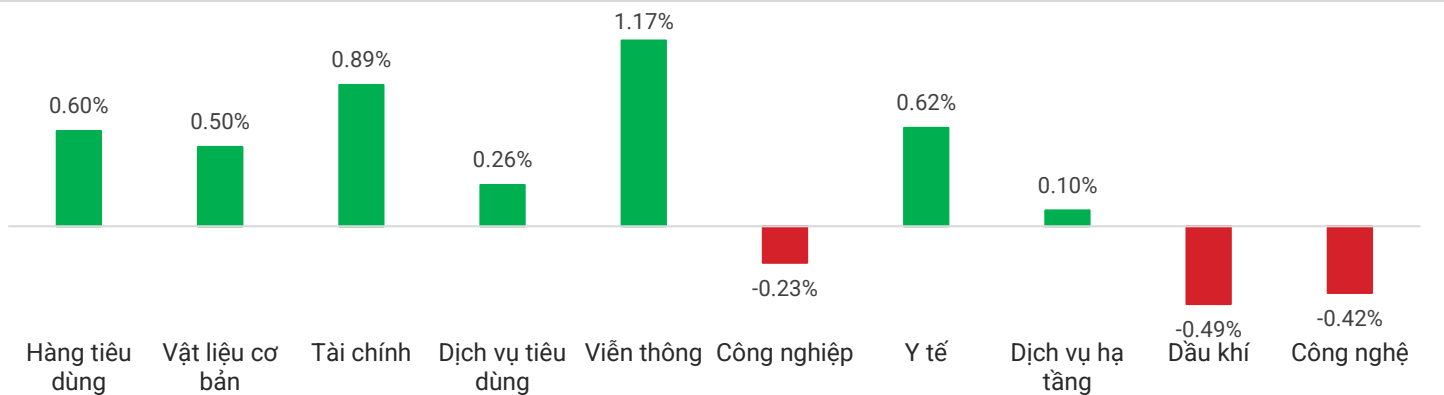
Top giao dịch khối ngoại trong ngày



Độ rộng thị trường



Diễn biến chỉ số nhóm ngành trong ngày (%)



Top tăng điểm HSX

| STT | Mã  | Khối lượng | Giá  | % Tăng         |
|-----|-----|------------|------|----------------|
| 1   | VAF | 16,200     | 13.0 | +0.85 (+7%)    |
| 2   | L10 | 1,700      | 19.9 | +1.3 (+6.99%)  |
| 3   | COM | 4,900      | 36.1 | +2.35 (+6.97%) |
| 4   | HU1 | 400        | 7.4  | +0.48 (+6.96%) |
| 5   | DC4 | 41,600     | 9.7  | +0.63 (+6.92%) |

Top giảm điểm HSX

| Mã  | Khối lượng | Giá   | % Giảm         |
|-----|------------|-------|----------------|
| PMG | 100        | 8.30  | -0.6 (-6.74%)  |
| DXV | 112,600    | 3.82  | -0.26 (-6.37%) |
| CVT | 200        | 30.00 | -1.6 (-5.06%)  |
| ITA | 10,548,700 | 6.42  | -0.28 (-4.18%) |
| HCD | 398,400    | 7.60  | -0.24 (-3.06%) |

Tin tức

- 1. Năm 2024, xuất khẩu đặt mục tiêu tăng trên 6%.
- 2. Ngân hàng chạy nước rút giải ngân.
- 3. Đồng Nai: 181 dự án bất động sản được xem xét tháo gỡ vướng mắc.
- 4. Vàng thế giới lập đỉnh 3 tuần trong ngày thứ Tư (27/12), khi các trader mua vàng vì kỳ vọng lãi suất giảm trong năm 2024 và đà giảm của đồng USD, lợi suất trái phiếu cũng hỗ trợ giá vàng.
- 5. Kinh tế Mỹ sẽ suy thoái nhẹ vào năm 2024, nhưng sẽ không quá nghiêm trọng.

| CHỈ SỐ VÀ HÀNG HÓA THẾ GIỚI |           |          |           |
|-----------------------------|-----------|----------|-----------|
| Chỉ số                      | Giá       | Thay đổi | %thay đổi |
| Dow Jones                   | 37,656.52 | 111.19   | 0.30%     |
| Dollar Index                | 100.48    | -0.17    | -0.17%    |
| Gold                        | 2,087.60  | -5.5     | -0.26%    |
| Brent Oil                   | 79.25     | -0.29    | -0.36%    |

(\*) Thông tin chỉ số thế giới:  
- Chỉ số Dow Jones tăng 111.19, tương đương 0.30% lên mức 37,656.52 điểm.  
- Chỉ số Dollar Index giảm -0.17, tương đương -0.17% xuống mức 100.48 điểm.

| Tỷ giá trong nước | Hôm nay   |           | Hôm trước |        |
|-------------------|-----------|-----------|-----------|--------|
|                   | Mua vào   | Bán ra    | Mua vào   | Bán ra |
| USD               | 24,100.00 | 24,470.00 | 24,110    | 24,480 |
| EUR               | 26,321.32 | 27,766.53 | 26,155    | 27,591 |
| GBP               | 30,336.88 | 31,628.63 | 30,127    | 31,410 |
| JPY               | 166.99    | 176.77    | 166       | 175    |

(\*\*) Thông tin tỷ giá trong nước:  
Phiên ngày Thứ Năm (28/12) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam niêm yết:  
- Tỷ giá đô la Mỹ: Mua vào 24,100.00 VND/USD; bán ra 24,470.00 VND/USD.  
- Tỷ giá đồng Euro: Mua vào 26,321.32 VND/EUR; bán ra 27,766.53 VND/EUR.  
- Tỷ giá Bảng Anh: Mua vào 30,336.88 VND/GBP; bán ra 31,628.63 VND/GBP.

| THÔNG TIN SỰ KIỆN DOANH NGHIỆP |            |            |                |                                            |
|--------------------------------|------------|------------|----------------|--------------------------------------------|
| Mã CK                          | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Sự kiện                                    |
| PTB                            | 03/01/2024 | 04/01/2024 | 26/01/2024     | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 15% |
| ICN                            | 02/01/2024 | 03/01/2024 | 26/01/2024     | Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, tỷ lệ 15% |
| LIX                            | 29/12/2023 | 02/01/2024 | 18/01/2024     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%   |
| DSN                            | 28/12/2023 | 29/12/2023 | 12/01/2024     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 24%   |
| DRC                            | 28/12/2023 | 29/12/2023 | 12/01/2024     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 5%    |
| PPH                            | 28/12/2023 | 29/12/2023 | 12/01/2024     | Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, tỷ lệ 10% |
| CSV                            | 28/12/2023 | 29/12/2023 | 09/01/2024     | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10%   |
| BFC                            | 27/12/2023 | 28/12/2023 | 18/01/2024     | Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, tỷ lệ 5%  |
| VNM                            | 27/12/2023 | 28/12/2023 | 28/02/2024     | Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, tỷ lệ 5%  |

Khuyến cáo

Bản báo cáo thị trường này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cần trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này đồng thời bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Bản báo cáo này được giữ bản quyền ASEANSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

Website: [www.aseansc.com.vn](http://www.aseansc.com.vn)

Hội sở chính

Tầng 4,5,6,7 – số 3 Đặng Thái Thân  
Phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Tel: 024 6275 8668  
Tổng đài đặt lệnh: 024 6275 8888

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 2 - số 77-79 Phó Đức Chính,  
Phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp Hồ Chí Minh.  
Tel: 028 3933 0308  
Tổng đài đặt lệnh: 028 3933 0309

Ngày 28.12.2023

sắc xanh lan tỏa, vninc

<https://seastock.aseanpsc.com.vn/trade/priceworkboard/AAA>

Dữ liệu file excel

0

Source: Top ảnh hưởng  
chỉ số

| Mã cổ phiếu | Ảnh hưởng tã |
|-------------|--------------|
| VHM         | 2.0048       |
| VIC         | 0.8121       |
| SSB         | 0.6392       |
| VPB         | 0.5921       |
| TCB         | 0.5736       |
| ITA         | -0.0617      |
| FPT         | -0.0932      |
| HVN         | -0.1327      |
| GAS         | -0.1668      |
| BID         | -0.4175      |

Tích lũy tháng  
-1500.9696

Mua ròng

|          |          |
|----------|----------|
| VHC      | 73.08    |
| HCM      | 52.41    |
| FUEVFNVD | 51.32    |
| HSG      | 38.23    |
| ASM      | 30.53    |
| Mã       | Bán ròng |
| NCG      | -99.88   |
| GMD      | -35.49   |
| BID      | -28.96   |
| VTP      | -25.05   |
| GAS      | -15.8    |

File chỉ số  
chung

28/12/2023  
27/12/2023

<https://s.cafef.vn/du-lieu.chn#data>

<https://fireant.vn/dashboard>

<https://s.cafef.vn/du-lieu.chn#data>

26/12/2023  
25/12/2023  
22/12/2023  
21/12/2023  
20/12/2023  
19/12/2023  
18/12/2023  
15/12/2023  
14/12/2023  
13/12/2023  
45272.00  
45242.00  
45150.00  
45119.00  
45089.00  
45058.00

Hàng tiêu dừ  
Vật liệu cơ bả  
Tài chính  
Dịch vụ tiêu d  
Viễn thông  
Công nghiệp  
Y tế  
Dịch vụ hạ tầ  
Dầu khí  
Công nghệ

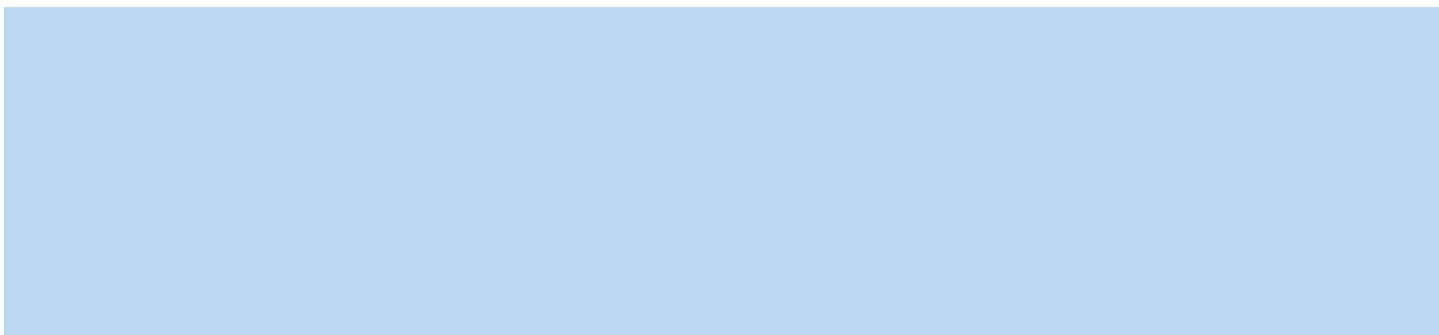
Mã  
VAF  
L10  
COM  
HU1  
DC4  
PMG  
DXV  
CVT  
ITA  
HCD

Dear anh/ chị

(\*) Thông tin chỉ số thế giới: - Chỉ số Dc

(\*\*) Thông .

Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,500 đồng/CP  
Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 1,500 đồng/CP  
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 2,400 đồng/CP  
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 500 đồng/CP  
Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  
Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  
Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP  
Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 500 đồng/CP



| HOSE       | Date full  | Mua ròng | Bán ròng |
|------------|------------|----------|----------|
| 442.354631 | 28.12.2023 | 442.35   | 0        |

|    |     |       |                     |
|----|-----|-------|---------------------|
| 1  | VNM | 14.88 | 75.2 -0.6 (-0.79%)  |
| 2  | DGW | 14.11 | 58.2 -1.5 (-2.51%)  |
| 3  | VCB | 13.97 | 86.1 -0.5 (-0.58%)  |
| 4  | BSR | 13.23 | 21.5 +0.5 (+2.38%)  |
| 5  | SGN | 11.48 | 70.5 0 (0%)         |
| 6  | STB | 6.58  | 30.2 -1.3 (-4.13%)  |
| 7  | BMP | 5.91  | 89.1 -3 (-3.26%)    |
| 8  | KDH | 4.54  | 31.7 -0.3 (-0.94%)  |
| 9  | CEO | 4.25  | 20.5 -0.4 (-1.91%)  |
| 10 | PVD | 3.9   | 28.7 +0.25 (+0.88%) |

|        |      |
|--------|------|
| 442.35 | 0.00 |
| 113.76 | 0.00 |

|      |          |
|------|----------|
| 0.00 | -314.89  |
| 0.00 | -124.34  |
| 0.00 | -507.58  |
| 0.00 | -536.44  |
| 0.00 | -414.45  |
| 0.00 | -452.60  |
| 0.00 | -772.79  |
| 0.00 | -1470.58 |
| 0.00 | -356.55  |
| 0.00 | -906.68  |
| 0.00 | -307.60  |
| 0.00 | -426.29  |
| 0.00 | -452.50  |
| 0.00 | -817.93  |
| 0.00 | -550.04  |
| 0.00 | -1554.56 |

|        |       |
|--------|-------|
| 0.60%  | 0.60  |
| 0.50%  | 0.5   |
| 0.89%  | 0.89  |
| 0.26%  | 0.26  |
| 1.17%  | 1.17  |
| -0.23% | -0.23 |
| 0.62%  | 0.62  |
| 0.10%  | 0.1   |
| -0.49% | -0.49 |
| -0.42% | -0.42 |

| Tăng giá |
|----------|
| 1 VAF    |
| 2 L10    |
| 3 COM    |
| 4 HU1    |
| 5 DC4    |
| 6 HAS    |
| 7 NAV    |
| 8 SIP    |
| 9 TLD    |
| 10 HNG   |

| Khối lượng | Giá   | %Tăng/ giảm    |
|------------|-------|----------------|
| 16200      | 13    | +0.85 (+7%)    |
| 1700       | 19.9  | +1.3 (+6.99%)  |
| 4900       | 36.05 | +2.35 (+6.97%) |
| 400        | 7.38  | +0.48 (+6.96%) |
| 41600      | 9.73  | +0.63 (+6.92%) |
| 100        | 8.3   | -0.6 (-6.74%)  |
| 112600     | 3.82  | -0.26 (-6.37%) |
| 200        | 30    | -1.6 (-5.06%)  |
| 10548700   | 6.42  | -0.28 (-4.18%) |
| 398400     | 7.6   | -0.24 (-3.06%) |

Dear anh/ chị,

Kết thúc phiên g.

Bên cạnh đó, kh.

ow Jones tăng 111.19, tương đương 0.30% lên mức 37,656.52 điểm. - Chỉ số Dollar Index giảm -0.17, tương đương -0.1

Nhận định của A.

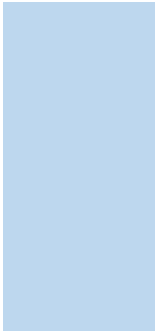
Thị trường hôm nay ghi nhận tín hiệu khá tích cực, khi khối ngoại mua ròng mạnh trở lại và VN-Index đóng cửa trên đư

(\*) Thông tin chỉ.

(\*\*) Thông tin tỷ.

(\*\*\*) Thông tin sự kiện doanh nghiệp: ICN - Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dầu Khí IDICO thông báo trả cổ tức đợt

Trân trọng !



|                |             |                                                |
|----------------|-------------|------------------------------------------------|
| Kết thúc phiên | Kết thúc ph | Kết thúc phiên<br>chỉ số VNINDE<br>, không đổi |
|                | Khối lượng  | Khối lượng kh                                  |



|            |        |                      |
|------------|--------|----------------------|
| 1 MWG      | -141.3 | 48.6 -0.9 (-1.82%)   |
| 2 FPT      | -93.62 | 96.8 +0.7 (+0.73%)   |
| 3 FUEVFNVD | -87.37 | 26.04 -0.43 (-1.62%) |
| 4 SSI      | -62.04 | 32.1 -1.45 (-4.32%)  |
| 5 VPB      | -61.99 | 22.5 +0.55 (+2.51%)  |
| 6 HPG      | -44.88 | 25 -0.75 (-2.91%)    |
| 7 VHM      | -43.61 | 45.55 -1.35 (-2.88%) |
| 8 VND      | -39.03 | 20.95 -1.05 (-4.77%) |
| 9 SHS      | -31.69 | 17.7 -0.5 (-2.75%)   |
| 10 HCM     | -23.86 | 30.15 -1.25 (-3.98%) |

| Nhóm ngành C | Nhóm ngành | 0                |
|--------------|------------|------------------|
|              | 0.00       | %, tiếp đến là c |
|              | 0.00       | %.               |
|              | 0          | và               |
|              | 0.00       | %                |
|              | %.         |                  |

| Khối lượng | Giá   | %Tăng/ giảm    |
|------------|-------|----------------|
| 16,200     | 13    | +0.85 (+7%)    |
| 1,700      | 19.9  | +1.3 (+6.99%)  |
| 4,900      | 36.05 | +2.35 (+6.97%) |
| 400        | 7.38  | +0.48 (+6.96%) |
| 41,600     | 9.73  | +0.63 (+6.92%) |
| 2,400      | 6.52  | +0.42 (+6.89%) |
| 7,500      | 17.9  | +1.15 (+6.87%) |
| 362,500    | 62.5  | +4 (+6.84%)    |
| 4,628,800  | 5.64  | +0.36 (+6.82%) |
| 6,311,500  | 4.57  | +0.29 (+6.78%) |

| Giảm giá | Khối lượng | Giá   | %Tăng/ giảm    |
|----------|------------|-------|----------------|
| 1 PMG    | 100        | 8.3   | -0.6 (-6.74%)  |
| 2 DXV    | 112,600    | 3.82  | -0.26 (-6.37%) |
| 3 CVT    | 200        | 30    | -1.6 (-5.06%)  |
| 4 ITA    | 10,548,700 | 6.42  | -0.28 (-4.18%) |
| 5 HCD    | 398,400    | 7.6   | -0.24 (-3.06%) |
| 6 TDP    | 33,600     | 28.7  | -0.8 (-2.71%)  |
| 7 LAF    | 2,500      | 13.15 | -0.35 (-2.59%) |
| 8 BBC    | 1,200      | 49.6  | -1.3 (-2.55%)  |
| 9 VID    | 2,300      | 5.07  | -0.13 (-2.5%)  |
| 10 SFC   | 2,800      | 23.8  | -0.6 (-2.46%)  |

|      |         |
|------|---------|
| điểm | 1128.93 |
|------|---------|

7% xuống mức 100.48 điểm.(\*\*) Thông tin tỷ giá trong nước: Phiên ngày Thứ Năm (28/12) Ngân hàng Thương mại Cổ

ờng MA200 ngày (1,123.46 điểm). Mặc dù vậy, nhà đầu tư không nên quá lạc quan, khi áp lực bán có thể quay trở lại b

2/2023 bằng tiền, 1,500 đồng/cp. Ngày giao dịch không hưởng quyền: 02/01/2024. Ngày đăng kí cuối cùng: 03/01/20

|              |                       |
|--------------|-----------------------|
| Thứ Năm (28/ |                       |
| 0.00         |                       |
| 0            | điểm, tương đương mức |
| 0.00         | %.                    |
| 0.00         | iệu cổ phiếu,         |



tăng tích cực đạt  
0 với  
Trong khi đó, các nhóm  
0 giảm sâu nhất với lần lượt  
và 0.00

phần Ngoại thương Việt Nam niêm yết: - Tỷ giá đô la Mỹ: Mua vào 24,100.00 VND/USD; bán ra 24,470.00 VND/USD. - 1

ất cứ lúc nào và VN-Index vẫn chưa vượt được đỉnh cũ xung quanh ngưỡng 1,130 điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến ị







Tỷ giá đồng Euro: Mua vào 26,321.32 VND/EUR; bán ra 27,766.53 VND/EUR. - Tỷ giá Bảng Anh: Mua vào 30,336.88 VND/GBP; bán

ngại thận trọng, nhà đầu tư nên quan sát diễn biến ở vùng giá này, giữ tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục ở mức 50 - 70%, và tránh







ra 31,628.63 VND/GBP.

mua đũa ở thời điểm hiện tại.